TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HNGĐ-ST**
Ngày **25/6/2021**
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; ĐKHKTT: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Tạm trú: Khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Phạm Quang S, sinh năm 1979; ĐKHKTT: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Tạm trú: Khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Chị và anh Phạm Quang S kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã K, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 5, xã C là quê của anh S, đến đầu năm 2020 thì chuyển về sinh sống tại khối 8, thị trấn B.

Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh S có xảy ra mâu thuẫn. Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Anh S thường xuyên vô cớ chửi bới, xúc phạm chị. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên giải, gia đình 2 bên nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Do vậy chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm M, xã K để sinh sống, sau đó anh S có khuyên giải nên vì các con, chị quay về. Thời gian gần đây, mâu thuẫn của anh chị không được khắc phục mà còn trầm trọng hơn nên chị đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, sống ly thân với anh S, không ai quan

tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017 và Phạm Quốc N, sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, để anh Sáng nuôi cháu N. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc nên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Phạm Quang S trong bản tự khai có trình bày: anh xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như chị H đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng nguyên nhân không phải do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, bởi lý do này, gia đình nào cũng có. Đối với gia đình anh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh cũng đã có lần phát hiện chị H có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác về chuyện yêu đương. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị H không thay đổi. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng xác định vợ chồng không thể quay về tiếp tục chung sống với nhau được nữa nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh là người theo đạo Thiên chúa, không được phép ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S cũng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017 và Phạm Quốc N, sinh ngày 03/10/2012. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu N, để chị H nuôi cháu T, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh S xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017 và Phạm Quốc N, sinh ngày 03/10/2012 đều thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được ở với chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề xuất giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang S; Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017; giao cho anh Phạm Quang S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Quốc N sinh ngày 03/10/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Quang S, hiện cư trú tại khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều đã được tống đạt Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Cả chị Hảo và anh Sáng đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau. Về phía chị H, chị cho rằng nguyên nhân chủ yếu khiến chị phải làm thủ tục ly hôn là do anh S thường xuyên vô cớ chửi bới, xúc phạm chị dù chị đã nhiều lần khuyên giải. Về phía anh S anh xác định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị H chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và có tin nhắn yêu đương với người đàn ông khác. Đến nay anh chị đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể duy trì nhưng anh Sáng không đồng ý ly hôn vì anh là người theo đạo Thiên chúa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh S tại UBND thị trấn B là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương cung cấp chị H và anh S không còn chung sống với nhau nữa. Anh S hiện vẫn đang sinh sống tại khối 8, thị trấn B, còn chị H sống ở đâu, địa phương không nắm được.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh S hiện nay đã trầm trọng, không thể khắc phục được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị Hảo giải quyết ly hôn anh Sáng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H anh S có 02 con chung là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017 và Phạm Quốc N, sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu T để anh S nuôi cháu N, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Anh S cũng chấp nhận đề xuất này của chị H nếu vợ chồng ly hôn.

Con chung của vợ chồng là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017 và Phạm Quốc N, sinh ngày 03/10/2012 đều thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được ở với chị Hảo

Tuy nhiên để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt ổn định cho các cháu thì việc giao cháu T cho chị H, giao cháu N cho anh S theo đề xuất của anh chị là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang S đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang S.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Thị Anh T, sinh ngày 09/3/2017; giao cho anh Phạm Quang S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Quốc N sinh ngày 03/10/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2525 ngày 22/02/2021 ngày của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu HS&VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh